

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Sơn Tây

2. Ông Nguyễn Văn Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 299/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1986; thường trú: Số 1097b, Tổ 3, khu phố A, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ S, số 1353 Tổ 4, khu phố P, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vĩnh L, sinh năm 1987; thường trú: Số 1097b, Tổ 3, khu phố A, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L tìm hiểu và tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) K, thị xã TU, tỉnh Bình Dương năm 2012.

Khi mới kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng chịu áp lực trong gia đình nên thường xuyên cãi nhau, bản thân ông L sống nội tâm, nhiều lần vợ

chồng cãi nhau ông L không bao giờ nhìn mặt vợ và con, con có hỏi cũng không trả lời, sau khi bà N góp ý thì ông L mới rút kinh nghiệm. Vợ chồng cãi nhau là ông L im lặng không nói chuyện với vợ con, mặc dù nhiều lần bà N là người xin lỗi trước để không khí gia đình không ngột ngạt ảnh hưởng đến tâm lý của con và đời sống vợ chồng NH ông L vẫn cố tình làm mọi chuyện căng thẳng. Bản thân ông L cả ngày cầm điện thoại chơi và đọc truyện ở trong phòng, khi vợ con vào phòng để trò chuyện, cũng bị ông L đuổi ra ngoài với lý do ồn ào, tới giờ ăn thì bà N phải gọi, hoặc khi bà N cần ông L phụ giúp công việc thì phải gọi nhiều lần mới làm. Bạn bè tới chơi hoặc vợ chồng cãi nhau là ông L đóng kín cửa phòng, không chơi với con. Nhiều lần như thế, bà N cảm thấy bị tổn thương, tình cảm vợ chồng theo thời gian nhạt dần, bà N và ông L đã sống ly thân khoảng 05 tháng, trong thời gian này hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tường M, sinh ngày 28/01/2013, bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ khi sinh con đến khi cháu gần 04 tuổi bà N không đi làm mà ở nhà chăm sóc con. Khi con lớn bà N đi làm có nhờ ông bà nội chăm cháu, hiện tại ông, bà nội của cháu M đã lớn tuổi, bà thương cháu không đúng cách, quá chiều cháu, để cho cháu tự chơi ở nhà, ít tiếp xúc bên ngoài. Mỗi lần vợ chồng bà N muốn chở cháu đi chơi phải xin phép rất mệt mỏi vì bà không muốn cho cháu ra đường. Bản thân bà N đã áp lực với công việc ở công ty, khi đi làm về nhà cũng rất ngột ngạt vì chồng vô tâm cùng với áp lực từ gia đình chồng.

Thời gian ly thân bà N và cháu M sống tại nhà anh ruột của bà N nên tâm lý không còn bị căng thẳng, không còn bị áp lực từ gia đình chồng. Riêng cháu M học hỏi được nhiều hơn, cởi mở nhiều hơn, bé vui chơi thỏa thích vì trước đây L kiểm hãm không để cháu được tự do vui chơi, con làm gì không vừa ý là ông L chửi, nạt nộ, làm tâm lý cháu rất sợ, đến nỗi chỉ lo nhìn vào biểu cảm trên mặt ông L mà quên chơi.

Hiện tại mặc dù bà N ở cùng với gia đình anh trai NH khả năng tài chính của bà N ổn định, có thể mua nhà riêng và nuôi con được tốt. Bà N đã đặt cọc tiền mua đất để chuẩn bị xây nhà ra ở riêng vì vậy việc chăm sóc cũng như tạo môi trường sống cho con bà N đảm bảo tốt cả về mặt thể chất cũng như tinh thần. Với độ tuổi của bé cần phải vừa học vừa chơi, tiếp xúc bạn bè lành mạnh thì tâm lý bé mới phát triển trong khi ông L dành quyền nuôi bé là để thỏa mãn theo ý của ông bà cháu, muốn để bé cho ông bà nuôi còn ông L không thể tự chăm sóc con, trong thời gian vợ chồng ly thân ông L cũng không thăm con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 28/10/2020, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Vĩnh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn

dẫn đến vợ chồng ly hôn từ khi bà N đi làm tại Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ S thường xuyên về trễ, bà N hay cáu gắt, còn gây sự với gia đình nhà chồng nên mâu thuẫn với mẹ chồng cũng ngày càng gay gắt. Hiện nay vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, ông Nguyễn Vĩnh L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Cẩm N.

- Về con chung: Ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tường M, sinh ngày 28/01/2013 vì từ khi cháu M sinh ra đã ở với ông bà nội, mọi sinh hoạt hàng ngày của cháu đều do bà nội chăm sóc. Mặc dù ông L mới đi làm cho công ty cổ phần L&A theo dự án Maersk Nhattin tại Kho Nhất Tín, Lô 2, đường số 17, KCN Sóng Thần 2, thành phố D, tỉnh Bình Dương nH thu nhập của ông L vẫn ổn định từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Cha mẹ ông L đã về hưu nên có nhiều thời gian phụ giúp ông chăm sóc con. Hiện tại, bà N không có chỗ ở ổn định, đang ở nhờ nhà anh ruột có 03 con nhỏ, bà N thường đi làm về muộn, không có nhiều thời gian và điều kiện chăm sóc con tốt như ông L, việc ông L đến thăm cháu hàng ngày cũng bị gia đình nhà bà N ngăn cản không cho thăm.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 30/10/2020 cháu Nguyễn Tường M trình bày nguyện vọng: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống với mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N1 có văn bản ghi ý kiến đề ngày 28/10/2020, nội dung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị N1 là cha mẹ của ông Nguyễn Vĩnh L. Từ khi cháu Nguyễn Tường M được 3 tuổi, bà Nguyễn Thị Cẩm N đi làm, ông bà đón cháu M về ở cùng và chăm sóc từ sức khỏe cho đến việc học của cháu nên ông H và bà N1 có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho ông Nguyễn Vĩnh L được quyền nuôi dưỡng để ông bà có điều kiện chăm sóc cho cháu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

+ Về con chung: Hiện nay cháu Nguyễn Tường M, sinh ngày 28/01/2013 do bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của bà N phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn

Tường M, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà N được nuôi dưỡng con chung.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh L và tranh chấp về nuôi con. Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh L đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại khu phố A, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

[2]. Về nội dung

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) T, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương năm 2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N, và ông L thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mâu thuẫn về mọi vấn đề trong sinh hoạt hàng ngày cũng như cách nuôi dạy con nên thường xuyên cãi nhau. Bà N và ông L đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 đến nay.

Tại biên bản xác M của Tòa án ngày 05/11/2020, Ủy ban nhân dân phường T, thị xã TU không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà N và ông L vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử đã hòa giải mong muốn bà N và ông L hàn gắn những mâu thuẫn tồn tại trong hôn nhân để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên bà N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông L đã tồn tại từ lâu, kéo dài tới nay nên không thể hàn gắn, không thể chung sống hạnh phúc và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Nguyễn Thị Cẩm N yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Vĩnh L đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L .

[2.2] Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Tường M, sinh ngày 28/01/2013, hiện nay bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng. khi ly hôn bà N và ông L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con.

Xét thấy mức lương, thu nhập hiện tại của bà N và ông L đều đủ khả năng chăm lo về mặt vật chất và nuôi dưỡng cháu M ăn học. Bà N và ông L đều yêu thương và mong muốn được trực tiếp chăm sóc con. Tuy nhiên hiện nay cháu M đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 30/10/2020, cháu Nguyễn Tường M có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của cháu M không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà N và ông L đều không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N với bị đơn ông Nguyễn Vĩnh L về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tường M, sinh ngày 28/01/2013 cho bà Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Vĩnh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Vĩnh L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông Nguyễn Vĩnh L lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Cẩm N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Vĩnh L. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3 Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051702, ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU,

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Vĩnh L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký**

Đỗ Thị Lan Hương